

|           |                            |
|-----------|----------------------------|
| Always    | Luôn luôn (ở mức 100%)     |
| Usually   | Thường xuyên (mức 90%)     |
| Often     | Thường thường (mức 70%)    |
| Sometimes | Đôi khi, đôi lúc (mức 50%) |
| Never     | Không bao giờ (mức 0%)     |

Ví dụ:

- She always gets up late. (Cô ấy luôn luôn thức dậy trễ.)
- She often goes to the park. (Cô ấy thường đi công viên.)
- She sometimes eats at home. (Cô ấy thỉnh thoảng mới ăn ở nhà.)
- She seldom goes picnic. (Cô ấy hiếm khi đi dã ngoại.)
- She never plays badminton. (Cô ấy không bao giờ chơi tennis.)

### Form :

#### 1. Đứng sau động từ “tobe”

Ví dụ: I am never late for school. (Tôi không bao giờ đi học trễ)

#### 2. Đứng trước động từ chính và đứng sau chủ từ

Ví dụ: He sometimes wash his car. (Anh ta thỉnh thoảng mới rửa xe)

#### 3. Đứng giữa trợ động từ và động từ chính trong câu

Ví dụ:

- I have never been abroad. (Tôi chưa bao giờ đi nước ngoài)
- You should usually do your homework before going to school. (Bạn nên làm bài tập về nhà trước khi đến lớp)

### Task 1. Give the correct form of verbs.

1. She (walk) \_\_\_\_\_ to school every morning.
2. They (learn) \_\_\_\_\_ how to use the lawnmower in their free time.
3. Linda (go) \_\_\_\_\_ to the supermarket to buy some sugar.
4. Sometimes I (feel) \_\_\_\_\_ really lazy to do anything.
5. Phong and I (study) \_\_\_\_\_ English in my room.
6. I often (have) \_\_\_\_\_ breakfast at 7 am at home.
7. She (do) \_\_\_\_\_ aerobics every morning to keep fit.

8. Nga (**like**) \_\_\_\_\_ playing basketball very much.
9. What time you (**have**) \_\_\_\_\_ lunch every day?
10. She (**not have**) \_\_\_\_\_ any pen, so I lend her one.
11. They \_\_\_\_\_ (**play**) football and basketball at school.
12. My father \_\_\_\_\_ (**read**) the newspaper every morning.
13. We \_\_\_\_\_ (**have**) English, Maths and Science on Monday.
14. She never \_\_\_\_\_ (**do**) her homework.
15. I \_\_\_\_\_ (**go**) swimming twice a week.
16. Cars \_\_\_\_\_ (**be**) more expensive than motorbikes.
17. Jane always \_\_\_\_\_ (**have**) breakfast at 6 o'clock.
18. He usually \_\_\_\_\_ (**watch**) TV after dinner.
19. London \_\_\_\_\_ (**be**) a very big country.
20. I \_\_\_\_\_ (**be**) a student and my parents \_\_\_\_\_ (**be**) teachers.

**Task 2. Put the adverb of frequency into the correct place. Then give the correct form of verbs.**

1. My brothers (sleep) on the floor. (often)  
\_\_\_\_\_ .
2. He (stay) up late? (sometimes)  
\_\_\_\_\_ .
3. I (do) the housework with my brother. (always)  
\_\_\_\_\_ .
4. Peter and Mary (come) to class on time. (never)  
\_\_\_\_\_ .
5. Why Johnson (get) good marks? (always)  
\_\_\_\_\_ .
6. You (go) shopping? (usually)  
\_\_\_\_\_ .
7. She (cry). (seldom)  
\_\_\_\_\_ .
8. My father (have) popcorn. (never)  
\_\_\_\_\_ .

**Task 3. Change these sentences into negative and interrogative form**

1. They listen to English every day.  
\_\_\_\_\_ .

2. She plays badminton every afternoon.

\_\_\_\_\_ .

3. We play volleyball every morning.

\_\_\_\_\_ .

4. He does homework every night.

\_\_\_\_\_ .

5. Mary and Peter go to work every day

\_\_\_\_\_ .

6. He gets up at 9.00 every morning.

\_\_\_\_\_ .

**Task 4. Make questions in the present simple. Then write short answers.**

1. you/ have/ an art lesson on Monday (no)

\_\_\_\_\_ ? \_\_\_\_\_

2. they/ ride/ their bikes to school (yes)

\_\_\_\_\_ ? \_\_\_\_\_

3. Jane/ play/ tennis at school (no)

\_\_\_\_\_ ? \_\_\_\_\_

4. your parents/ at home now (yes)

\_\_\_\_\_ ? \_\_\_\_\_

5. he/ have/ breakfast at 6 o'clock every day (yes)

\_\_\_\_\_ ? \_\_\_\_\_

6. you/ a good student (no)

\_\_\_\_\_ ? \_\_\_\_\_

7. I/ look/ well (no)

\_\_\_\_\_ ? \_\_\_\_\_

8. Ms. Van/ a good teacher (yes)

\_\_\_\_\_ ? \_\_\_\_\_